TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 756/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2022
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Nở

2/ Ông Phạm Văn Thanh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 290/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2021 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1944/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Hoàng D, sinh năm 1994 (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 7/6 N, Phường 21, quận B, Thành phố H.

- *Bị đơn:* Bà Trần Kim A, sinh năm 1994 (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 4545 Cook RD Apt# 107, Houston, TX 77072, Hoa Kỳ.

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn (để nhận bản án, quyết định của Tòa án):* Bà Phạm Thị N, sinh năm 1983, (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt); An Hòa, An Lão, Bình Định (Theo giấy ủy quyền ngày 29/3/2022 được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Houston, Hoa Kỳ chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự số chứng thực 430/2022 ngày 29/3/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn ông Lê Hoàng D trình bày:

Ông và bà Trần Kim A kết hôn vào năm 2020 theo giấy chứng nhận kết hôn số 05/2020 ngày 08/01/2020 tại Ủy ban nhân dân Phường 9, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, hai bên sống với nhau hạnh phúc bình thường, khoảng tháng 2/2021 bà A về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc. Sau khi bà A về Hoa Kỳ

hai bên vẫn liên lạc với nhau bằng điện thoại. Tuy nhiên, do sống cách xa nhau nên không có nhiều thời gian quan tâm, chăm sóc nhau trong một thời gian dài dẫn đến thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Hai bên từng nhiều lần nói chuyện với nhau để tìm ra giải pháp giải quyết tình trạng của hai vợ chồng nhưng không được. Đến khoảng tháng 4 năm 2021 hai bên đã không còn liên lạc với nhau cho đến nay, thực tế hai bên đã sống ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay ông nhận thấy không còn tình cảm với bà Trần Kim A, hôn nhân không hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Trần Kim A để ổn định cuộc sống.

Về con chung: ông và bà A có 01 con chung tên Lê Hoàng A D (nữ), sinh ngày 8/11/2018 hiện nay đang chung sống cùng với bà ngoại, do bà ngoại chăm sóc. Do bà Trần Kim A đang làm thủ tục cho con chung sang Hoa Kỳ sinh sống nên sau khi ly hôn ông đồng ý giao con cho bà Trần Kim A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Trần Kim A trình bày tại bản tự khai ngày 25/02/2022 được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Hiu-XTơn, Hoa Kỳ chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự ngày 25/02/2022 có nội dung như sau: Bà và ông Lê Hoàng D kết hôn vào năm 2020, theo giấy chứng nhận kết hôn số 05/2020 ngày 08/01/2020 tại Ủy ban nhân dân Phường 9, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về quá trình chung sống và mâu thuẫn bà thống nhất như trình bày của ông Lê Hoàng D. Bà được biết ông Lê Hoàng D đang yêu cầu ly hôn với bà tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với yêu cầu của ông Lê Hoàng D bà có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông Lê Hoàng D.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Hoàng A D(nữ), sinh ngày 8/11/2018 hiện nay đang chung sống cùng với bà ngoại, do bà ngoại chăm sóc. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu ông Lê Hoàng D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Tại phiên tòa sơ thẩm : Nguyên đơn ông Lê Hoàng D, bị đơn bà Trần Kim A đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án :

Nguyên đơn ông Lê Hoàng D đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam có đơn xin ly hôn với bị đơn bà Trân Kim A đang cư trú tại Hợp chúng quốc

Hoa Kỳ, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 ; Điều 38 ; Điều 40; Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 123 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bên tham gia phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Hoàng D, bị đơn bà Trần Kim A đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn ông Lê Hoàng D, bị đơn bà Trần Kim A có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn số số 05/2020 ngày 08/01/2020 tại Ủy ban nhân dân Phường 9, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo ông D bà A trình bày thì sau khi kết hôn, hai bên sống với nhau hạnh phúc bình thường, khoảng tháng 2/2021 bà A về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc. Sau khi bà A về Hoa Kỳ hai bên vẫn liên lạc với nhau bằng điện thoại. Tuy nhiên, do điều kiện sống cách xa cách, không có nhiều thời gian quan tâm, chăm sóc nhau trong một thời gian dài dẫn đến thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Hai bên từng nhiều lần nói chuyện với nhau để tìm ra giải pháp giải quyết tình trạng của hai vợ chồng nhưng không được. Đến khoảng tháng 4 năm 2021 hai bên đã không còn liên lạc với nhau cho đến nay, thực tế hai bên đã sống ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay ông D nhận thấy không còn tình cảm với bà Trần Kim A, hôn nhân không hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Trần Kim A để ổn định cuộc sống. Về phía bà Trần Kim A có bản tự khai ngày 25/02/2022 được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Hiu-XTơn, Hoa Kỳ chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự ngày 25/02/2022, đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Lê Hoàng D.

Xét thấy, vợ chồng có quyền, nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, xây dựng gia đình hạnh phúc, đây cũng là mục đích của hôn nhân. Thực tế vợ chồng bà A, ông D đã không còn chung sống với nhau do điều kiện địa lý xa cách và vợ chồng không thống nhất được với nhau về nơi ở chung dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng kéo dài, tình cảm phai nhạt, cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông D xin ly hôn và bà A đồng ý thuận tình ly hôn là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung : Bà A và ông D khai có 01 con chung tên Lê Hoàng A D(nữ), sinh ngày 8/11/2018 hiện nay đang chung sống cùng với bà ngoại, do bà ngoại chăm

sóc. Sau khi ly hôn cả hai bên đồng ý thống nhất giao con chung cho mẹ là bà Trần Kim A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, ông Lê Hoàng D không cấp dưỡng nuôi con chung; việc thỏa thuận này không trái luật, đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật, được hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Bà A và ông D đều khai tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét.

Về nợ chung: Bà A và ông D đều khai không có nên không xét

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà A và ông D được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 38; Điều 40; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 ; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 122; Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016.UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ luật Thi hành án dân sự 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hoàng D.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Hoàng D được ly hôn với bà Trần Kim A.

2/ Về con chung : Giao con chung tên Lê Hoàng A D(nữ), sinh ngày 8/11/2018 cho mẹ là bà Trần Kim A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Kim A không yêu cầu ông Lê Hoàng D cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Lê Hoàng D phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền ông Lê Hoàng D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2021/0001422 ngày 24/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Hoàng D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn ông Lê Hoàng D và bị đơn bà Trần Kim A. Ông Lê Hoàng D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Bà Trần Kim A được quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nở **Phạm Văn Thanh** **Phạm Thị Thu Phương**

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND Phường 9, quận Tân Bình, TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu.

Phạm Thị Thu Phương